

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009



BDO AFC
Certified Public Accountants

Mã số thuế:

Địa chỉ của Ban Quản Trị:

Ngày lập báo cáo:

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

Đang chờ ký duyệt:

Đang chờ ký duyệt:

Đang chờ ký duyệt:

Đang chờ ký duyệt:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
2. Báo cáo kiểm toán	5
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	6 – 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 31

01/3
CH
CK
ACH
MT
AI
TAM
YUG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng được cổ phần hoá từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Cao su Sao Vàng theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt Phương án và chuyển Công ty Cao su Sao Vàng thành Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103011568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 4 năm 2006. Trong quá trình hoạt động Công ty lần lượt được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 1 ngày 07 tháng 12 năm 2006 và lần 2 ngày 27 tháng 7 năm 2007.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Thành viên Hội đồng quản trị:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	<u>Thời hạn</u>
- Ông Nguyễn Gia Tường	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
- Ông Lê Công An	Thành viên	
- Bà Đào Thị Hoa	Thành viên	
- Ông Lại Cao Hiến	Thành viên	Từ nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2009
- Ông Phạm Quang Rong	Thành viên	
- Bà Nguyễn Thị Hợp	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2009

Thành viên Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Lê Công An	Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Quang Rong	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Lê Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Quang Hào	Phó Tổng Giám đốc
- Bà Đào Thị Hoa	Kế Toán Trưởng

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại Số 231 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội và các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng Thái Bình có trụ sở tại xã Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại thành phố Đà Nẵng có trụ sở tại Quốc lộ 1A, xã Hoà Châu, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại thành phố Hồ Chí Minh có trụ sở tại số 63 đường Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Hoạt động chính

Trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009, hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm cao su, chế tạo, lắp đặt và mua bán máy móc thiết bị phục vụ ngành cao su và kinh doanh xuất nhập khẩu phục vụ ngành cao su.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào đáng kể làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cho phép.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính kế toán (AFC) đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

9. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày.

Ngày 05 tháng 8 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Công An

Số: 06/2010/BCKT-AFCHN

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2009

BÁO CÁO KIỂM TOÁNvề Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào
ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 6 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Đại diện cho Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính kế toán (AFC),
Chi nhánh Hà Nội****Nguyễn Như Tiến**
Giám đốc kiểm toán
Chứng chỉ KTV số: 0449/KTV**Nguyễn Hoàng Hà**
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0740/KTV0112
CHI NHÁNH
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN
KIỂM TOÁN
VÀ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN
TẠI HÀ NỘI
Q. CẦU GIẤY
HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2009

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2009	01/01/2009
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		252.074.694.076	290.850.386.537
Tiền và tương đương tiền	110		8.837.131.911	7.671.424.045
Tiền	111	5.1	8.837.131.911	7.671.424.045
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		101.051.240.272	58.714.594.922
Phải thu khách hàng	131		96.540.925.763	56.481.668.180
Trả trước cho người bán	132		7.460.788.906	5.167.917.978
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Các khoản phải thu khác	135	5.2	742.981.199	758.464.360
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.693.455.596)	(3.693.455.596)
Hàng tồn kho	140		138.263.755.640	219.297.561.110
Hàng tồn kho	141	5.3	143.141.741.793	224.175.547.263
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.877.986.153)	(4.877.986.153)
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.922.566.253	5.166.806.460
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.891.156.966	2.873.709.763
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.4	-	1.160.008.728
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.031.409.287	1.133.087.969
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		250.196.931.074	267.535.541.626
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
Tài sản cố định	220		249.059.556.751	265.659.774.556
Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	184.949.704.806	183.765.612.844
- Nguyên giá	222		479.014.173.605	449.743.698.423
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(294.064.468.799)	(265.978.085.579)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.6	57.207.938.343	49.123.377.986
- Nguyên giá	225		68.863.838.681	63.221.612.305
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(11.655.900.338)	(14.098.234.319)
Tài sản cố định vô hình	227	5.7	3.615.723.022	3.615.723.022
- Nguyên giá	228		3.615.723.022	3.615.723.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí XDCB dở dang	230	5.8	3.286.190.580	29.155.060.704
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		224.114.388	243.702.164
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		190.864.888	210.452.664
Đầu tư dài hạn khác	258	5.9	33.249.500	33.249.500
Tài sản dài hạn khác	260		913.259.935	1.632.064.906
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	913.259.935	1.632.064.906
CỘNG TÀI SẢN	270		502.271.625.150	558.385.928.163

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 6 năm 2009

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2009	01/01/2009
NỢ PHẢI TRẢ	300		326.612.510.718	414.851.021.856
Nợ ngắn hạn	310		228.172.231.719	337.816.541.559
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	142.074.943.720	296.497.597.018
Phải trả người bán	312		33.918.697.406	20.374.290.251
Người mua trả tiền trước	313		4.461.505.075	3.790.989.343
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	9.082.225.756	387.484.505
Phải trả người lao động	315		17.805.953.838	1.523.684.870
Chi phí phải trả	316	5.13	13.879.461.719	5.970.295.983
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	318		-	-
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	6.949.444.205	9.272.199.589
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Nợ dài hạn	330		98.440.278.999	77.034.480.297
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	5.15	97.323.043.275	76.141.455.894
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.117.235.724	893.024.403
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		175.659.114.432	143.534.906.307
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	174.204.127.407	141.686.261.655
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		108.000.000.000	108.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		20.430.233.605	20.430.233.605
Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.001.031.559	1.001.031.559
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		7.584.662.500	7.566.409.182
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.295.479.068	1.277.225.750
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		8.376.000	279.376.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		35.884.344.675	3.131.985.559
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.454.987.025	1.848.644.652
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.203.309.447	1.569.002.898
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		251.677.578	279.641.754
CỘNG NGUỒN VỐN	440		502.271.625.150	558.385.928.163

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/6/2009	01/01/2009
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		201.455.883	-
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		949.177.743	985.053.817
Ngoại tệ các loại (USD)		29.503,35	27.914,40
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ngày 05 tháng 8 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG**Đào Thị Hoa****TỔNG GIÁM ĐỐC****Lê Công An**

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008
Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	01	6.1	504.898.745.752	548.735.645.632
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	6.2	1.264.798.117	1.576.194.953
Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ	10	6.3	503.633.947.635	547.159.450.679
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.4	422.564.941.722	501.140.832.478
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		81.069.005.913	46.018.618.201
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	611.661.630	510.220.088
Chi phí tài chính	22	6.6	16.704.259.851	17.068.139.296
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.206.503.994	15.129.310.882
Chi phí bán hàng	24		10.790.005.145	11.581.526.567
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.931.157.793	10.810.830.166
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.255.244.754	7.068.342.260
Thu nhập khác	31		314.600.534	748.244.686
Chi phí khác	32		11.930.302	5.600.000
Lợi nhuận khác	40		302.670.232	742.644.686
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.557.914.986	7.810.986.946
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	5.026.499.110	1.093.538.172
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		35.531.415.876	6.717.448.774
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	3.290	622

Ngày 05 tháng 8 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đào Thị Hoa**TỔNG GIÁM ĐỐC****Lê Công An**

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Lợi nhuận trước thuế	01	40.557.914.986
Điều chỉnh cho các khoản		
Khấu hao tài sản cố định	02	25.674.729.239
Các khoản dự phòng	03	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(345.922.102)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	
Chi phí lãi vay	06	14.206.503.994
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	80.093.226.117
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(42.216.392.745)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	81.033.805.470
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	42.201.715.467
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	179.821.005
Tiền lãi vay đã trả	13	(11.932.743.454)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	17.044.004.444
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(16.280.436.027)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	150.123.000.277
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.287.637.011)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	5.578.182
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	19.587.776
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	265.739.528
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(996.731.525)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	234.996.733.048
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(368.496.671.449)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(6.508.598.285)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.952.024.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(147.960.560.886)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ		
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	50	1.165.707.866
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	60	7.671.424.045
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	8.837.131.911

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đào Thị Hoa

Ngày 05 tháng 8 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC**Lê Công An**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng được cổ phần hoá từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Cao su Sao Vàng theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt Phương án và chuyển Công ty Cao su Sao Vàng thành Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103011568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 4 năm 2006. Trong quá trình hoạt động Công ty lần lượt được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 1 ngày 07 tháng 12 năm 2006 và lần 2 ngày 27 tháng 7 năm 2007. Theo đó, ngành nghề kinh doanh của Công ty được quy định bao gồm:

- Kinh doanh các sản phẩm cao su;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, hoá chất phục vụ sản xuất ngành công nghiệp cao su ;
- Chế tạo, lắp đặt và mua bán máy móc thiết bị phục vụ ngành cao su;
- Cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng kho bãi ;
- Mua bán, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy và phụ tùng thay thế;
- Mua bán hàng kính mắt thời trang; thiết bị quang học;
- Mua bán hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá.

Công ty có trụ sở chính tại Số 231 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội và các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng Thái Bình có trụ sở tại xã Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại thành phố Đà Nẵng có trụ sở tại Quốc lộ 1A, xã Hoà Châu, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại thành phố Hồ Chí Minh có trụ sở tại số 63 đường Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2009, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 1.556 người. Trong đó số nhân viên quản lý là 181 người.

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009 bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

4.2 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- | | |
|------------------------|--|
| - Nguyên vật liệu: | Giá bình quân gia quyền |
| - Thành phẩm, hàng hoá | Giá bình quân gia quyền |
| - Sản phẩm dở dang: | Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho số lỗ ước tính phát sinh khi giá gốc vượt quá giá trị có thể thực hiện được của hàng tồn kho vào ngày kết thúc kỳ tài chính. Các khoản tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng này được tính vào khoản mục giá vốn hàng bán trong kỳ tài chính.

4.4 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính bao gồm khoản phải trả nợ gốc thuê tài chính và chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính như: chi phí lắp đặt, chạy thử, chi phí lãi tiền thuê tài chính...

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và TSCĐ thuê tài chính được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình của công ty là quyền sử dụng đất lâu dài. Theo quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, quyền sử dụng đất lâu dài là tài sản cố định vô hình đặc biệt, doanh nghiệp không được trích khấu hao.

Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

Loại tài sản cố định:	Thời gian (năm)
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	
Nhà cửa và vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị văn phòng	04 – 10
Tài sản cố định khác	08 – 10

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty ghi nhận khoản lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp mà Công ty góp vốn khi nhận được thông báo chính thức của doanh nghiệp đó về số cổ tức được hưởng hoặc số lợi nhuận được chia trong kỳ theo nguyên tắc dồn tích.

4.6 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu giá trị công cụ, dụng cụ, các linh kiện nhỏ và các phụ tùng thay thế đã xuất dùng. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ dần trong thời gian từ 01 đến 02 năm kể từ khi phát sinh.

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

4.8 Chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, bao gồm: chi phí khuyến mại, chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, lãi vay trung, dài hạn. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị doanh nghiệp được đánh giá khi cổ phần hoá. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.11 Doanh thu:

Doanh thu bán hàng hoá và dịch vụ được ghi nhận trong kỳ tài chính khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua; công ty phát hành hoá đơn bán hàng, được các khách hàng thanh toán và chấp nhận thanh toán. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi lợi ích kinh tế hoặc liên quan tới hàng bán bị trả lại.

4.12 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả của các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Công ty được xác định theo số tiền nợ gốc vay, lãi suất vay đã được thoả thuận và thời gian vay thực tế.

4.13 Thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Hàng hoá và dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu thuế giá trị gia tăng theo các mức thuế sau:

- ✓ Các sản phẩm lốp, săm, yếm thuộc bộ phận săm lốp cỡ từ 900-20 trở lên chịu thuế suất 5%
- ✓ Các sản phẩm lốp, săm, yếm, có kích cỡ khác và các sản phẩm cao su kỹ thuật cao chịu thuế suất 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty tính và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 25%.

Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo. Theo quy định tại Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty tiếp tục được giảm thuế cho thời gian còn lại.



BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

Năm tài chính 2009 là năm thứ hai Công ty được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp. Do đó, số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Công ty bằng 12,5% tính trên thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.15 Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền**

	30/6/2009	01/01/2009
	(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i) 805.061.899	1.882.264.555
Tiền gửi ngân hàng	(ii) 8.032.070.012	5.789.159.490
Cộng	8.837.131.911	7.671.424.045

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 30 tháng 6 năm 2009 bao gồm:

	VND
Đồng Việt Nam (VND)	805.061.899
Cộng	805.061.899

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng vào ngày 30 tháng 6 năm 2009 bao gồm:

	Ngoại tệ	VND
Ngoại tệ - USD	29.503,35 #	500.187.961
Đồng Việt Nam (VND)		7.531.882.051
		8.032.070.012

5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2009	01/01/2009
	(VND)	(VND)
Phải thu về cổ phần hoá	-	-
Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia	-	-
Phải thu người lao động	-	-
Phải thu khác(i)	742.981.199	758.464.360
Cộng	742.981.199	758.464.360

(i) Chi tiết các khoản phải thu khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2009" bao gồm:

	(VND)
- Tiền lớp bảo hành (Công ty ô tô Chu Lai-Trường Hải)	218.115.955
- Số thuế VAT đầu vào của TSCĐ thuê tại chính (Công ty cho thuê tài chính NH Công Thương)	152.405.310
- Các khoản phải thu khác	372.459.934
Cộng	742.981.199

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

5.3 Hàng tồn kho

	30/6/2009	01/01/2009
	(VND)	(VND)
Hàng mua đang đi đường	-	127.217.500
Nguyên liệu, vật liệu	75.939.142.133	94.555.738.300
Công cụ, dụng cụ	1.891.484.737	2.906.530.157
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.611.099.601	7.433.061.861
Thành phẩm	59.126.642.322	116.613.764.572
Hàng hoá	1.153.550.861	1.960.903.648
Hàng gửi bán	419.822.139	578.331.225
Cộng	143.141.741.793	224.175.547.263

5.4 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/6/2009	01/01/2009
	(VND)	(VND)
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	1.160.008.728
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	-	1.160.008.728

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

5.5 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	91.323.379.842	330.764.640.324	26.206.357.050	1.449.321.207	-	449.743.698.423
- Mua trong kỳ	-	2.305.524.327	1.971.999.641	28.565.000	-	4.306.088.968
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	24.540.451.762	651.314.452	-	-	25.191.766.214
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	15.500.000	15.180.000	-	-	30.680.000
- Giảm khác	-	196.700.000	-	-	-	196.700.000
Số dư cuối kỳ	91.323.379.842	357.398.416.413	28.814.491.143	1.477.886.207	-	479.014.173.605
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu kỳ	46.208.059.101	201.585.840.609	16.965.993.918	1.218.191.951	-	265.978.085.579
- Khấu hao trong kỳ	2.480.242.350	13.998.530.006	1.629.654.873	83.954.894	-	18.192.382.123
- Tăng khác	-	9.652.651.505	272.029.592	-	-	9.924.681.097
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	15.500.000	15.180.000	-	-	30.680.000
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	48.688.301.451	225.221.522.120	18.852.498.383	1.302.146.845	-	294.064.468.799
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	45.115.320.741	129.178.799.715	9.240.363.132	231.129.256	-	183.765.612.844
Tại ngày cuối kỳ	42.635.078.391	132.176.894.293	9.961.992.760	175.739.362	-	184.949.704.806
Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản vay:						
Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:						
				82.359.376.945 đồng		
				48.347.141.242 đồng		

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

5.6 Tăng giảm tài sản cố định thuế tài chính

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	-	61.533.189.777	1.688.422.528	-	-	63.221.612.305
- Thuê tài chính trong kỳ	-	30.833.992.590	-	-	-	30.833.992.590
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	24.540.451.762	651.314.452	-	-	25.191.766.214
Số dư cuối kỳ	-	67.826.730.605	1.037.108.076	-	-	68.863.838.681
GIÁ TRỊ HẠO MÓN						
Số dư đầu kỳ	-	13.572.260.013	525.974.306	-	-	14.098.234.319
- Khấu hao trong kỳ (i)	-	7.314.359.006	167.988.110	-	-	7.482.347.116
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	3.598.928	-	-	-	3.598.928
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	9.652.651.505	275.628.520	-	-	9.928.280.025
Số dư cuối năm	-	11.237.566.442	418.333.896	-	-	11.655.900.338
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	-	47.960.929.764	1.162.448.222	-	-	49.123.377.986
Tại ngày cuối kỳ	-	56.589.164.163	618.774.180	-	-	57.207.938.343

(i) Trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009, Công ty đã quyết định thay đổi thời gian khấu hao của một số máy móc, thiết bị thuế tài chính làm chi phí khấu hao 6 tháng đầu năm 2009 tăng lên so với chi phí khấu hao nếu áp dụng theo khung thời gian khấu hao năm 2008 là 3.682.115.692 đồng. Tuy nhiên, khung thời gian khấu hao TSCĐ thay đổi vẫn thuộc khung thời gian khấu hao TSCĐ theo quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

5.7 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Quyền phát hành VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Thiết bị văn phòng VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	3.615.723.022	-	-	-	-	3.615.723.022
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3.615.723.022	-	-	-	-	3.615.723.022
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	3.615.723.022	-	-	-	-	3.615.723.022
Tại ngày cuối kỳ	3.615.723.022	-	-	-	-	3.615.723.022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Tổng số chi phí XDCB dở dang	3.286.190.580	29.155.060.704
Trong đó:		
Máy định hình lưu hóa 45	-	25.810.660.052
Công trình máy lưu hóa sẫm	-	257.600.000
Hệ thống nạp liệu máy luyện kín 270L	2.744.328.872	960.774.049
Sửa chữa lớn tài sản cố định	389.947.272	159.474.450

5.9 Đầu tư dài hạn khác

	30/6/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Đầu tư cổ phiếu	-	-
Đầu tư trái phiếu	33.249.500	33.249.500
Cho vay dài hạn	-	-
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Cộng	33.249.500	33.249.500

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	30/6/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
Giá trị công cụ dụng cụ phân bổ dần	525.760.767	650.754.499
Chi phí bảo hiểm	-	54.827.273
Chi phí lãi vay cán bộ công nhân viên trả trước	387.499.168	926.483.134
Cộng	913.259.935	1.632.064.906

5.11 Vay và nợ ngắn hạn

	30/6/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Vay ngắn hạn	125.134.610.966	244.272.210.306
- Vay ngân hàng	(i) 99.644.513.200	219.987.864.305
- Vay cán bộ công nhân viên	25.490.097.766	24.284.346.001
Nợ dài hạn đến hạn trả	16.940.332.754	52.225.386.712
Cộng	142.074.943.720	296.497.597.018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

(i) Số dư tiền vay ngân hàng vào ngày 30 tháng 6 năm 2009 bao gồm:

	Ngoại tệ	VND
Ngoại tệ - USD	1.644.930,90 #	27.886.513.548
Đồng Việt Nam (VND)		71.757.999.652
Cộng		99.644.513.200

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	4.168.705.319	356.868.325
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.866.490.382	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.211.616	30.616.180
Thuế tài nguyên	672.324	-
Thuế đất và tiền thuê đất	1.045.146.115	-
Cộng	9.082.225.756	387.484.505

Quyết toán thuế sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.13 Chi phí phải trả

	30/6/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	2.623.564.744	-
Chi phí vận chuyển vật tư, sản phẩm	2.017.000.000	-
Chi phí khuyến mại	4.462.587.006	3.190.149.100
Lãi vay ngân hàng	3.734.070.000	2.764.409.887
Thanh toán tiền độc hại	37.796.639	15.736.996
Chi phí phải trả khác	1.004.443.330	-
Cộng	13.879.461.719	5.970.295.983

5.14 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/6/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Kinh phí công đoàn	611.804.832	41.016.492
Bảo hiểm xã hội	516.103.854	445.908.697
Bảo hiểm thất nghiệp	106.949.002	-
Các khoản phải trả phải nộp khác (i)	5.714.586.517	8.785.274.400
Cộng	6.949.444.205	9.835.232.589

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

(i) Chi tiết các khoản phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2009:

	(VND)
- Cổ tức năm 2008 phải trả cho các cổ đông	1.379.003.400
- Đặt cọc bảo lãnh hàng xuất khẩu (Tecnicas LTD)	1.021.409.800
- Đặt cọc hàng container tại Angola (Lethietthach Comercio)	1.330.000.000
- Các đối tượng khác	1.984.173.317
Cộng	5.714.586.517

5.15 Vay và nợ dài hạn

	30/6/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
- Vay dài hạn	64.164.038.265	45.013.434.706
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>34.164.038.265</i>	<i>45.013.434.706</i>
<i>Vay đối tượng khác</i>	(i) <i>30.000.000.000</i>	-
- Nợ dài hạn	33.159.005.010	31.128.021.188
Thuê tài chính	(ii) <i>33.159.005.010</i>	31.128.021.188
Cộng	97.323.043.275	76.141.455.894

(i) Đây là khoản vay Công ty Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc với thời hạn vay 13 tháng và lãi suất vay là 0,68%/ tháng.

- Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009			Năm 2008		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê TC	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê TC	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Dưới 1 năm						
Từ 1-5 năm	3.988.583.973	2.267.291.679	1.721.292.294	9.502.809.360	4.128.783.004	5.374.026.356
Trên 5 năm	1.481.797.553	197.982.509	1.283.815.044	2.921.521.531	891.083.599	2.030.437.932

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

5.16 Vốn chủ sở hữu:

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ khác thuộc vốn CSH VND	Quỹ ĐT phát triển VND	Quỹ DP tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	108.000.000.000	20.430.233.605	1.001.031.559	373.376.000	7.218.477.760	1.277.225.750	15.702.919.209	154.003.263.893
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	793.539.889	793.539.889
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	347.931.422	-	-	347.931.422
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm 2007	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	94.000.000	-	-	12.936.000.000	12.936.000.000
	-	-	-	-	-	-	428.473.539	522.473.539
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	108.000.000.000	20.430.233.605	1.001.031.559	279.376.000	7.566.409.182	1.277.225.750	3.131.985.559	141.686.261.655
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	35.531.415.876	35.531.415.876
Trích lập quỹ	-	-	-	-	18.253.318	18.253.318	-	36.506.636
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm 2008	-	-	-	-	-	-	2.700.000.000	2.700.000.000
Giảm khác (i)	-	-	-	271.000.000	-	-	79.056.760	350.056.760
Số dư cuối năm nay	108.000.000.000	20.430.233.605	1.001.031.559	8.376.000	7.584.662.500	1.295.479.068	35.884.344.675	174.204.127.407

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

(i) Chi tiết giảm Lợi nhuận chưa phân phối:

	(VND)
- Phân phối các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2008	54.759.954
- Thù lao hội đồng quản trị	22.200.000
- Giảm khác	2.096.806
Cộng	79.056.760

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Vốn góp Nhà nước	55.080.000.000	55.080.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	52.920.000.000	52.920.000.000
Cộng	108.000.000.000	108.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009 (VND)	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	108.000.000.000	108.000.000.000
Vốn góp đầu năm	108.000.000.000	108.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	108.000.000.000	108.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia (i)	2.700.000.000	-

(i) Cổ tức, lợi nhuận năm 2008 (tỷ lệ 2,5% vốn đầu tư của chủ sở hữu) đã chia vào năm 2009.

Cổ phiếu:

	30/6/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.800.000	10.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.800.000	10.800.000
Cổ phiếu phổ thông	10.800.000	10.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.800.000	10.800.000
Cổ phiếu phổ thông	10.800.000	10.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

Các quỹ của doanh nghiệp:

	30/6/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	7.584.662.500	7.566.409.182
Quỹ dự phòng tài chính	1.295.479.068	1.277.225.750
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	8.376.000	279.376.000
Cộng	8.888.517.568	9.123.010.932

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh theo định hướng chiến lược của Công ty, kể cả bổ sung vốn điều lệ cho Công ty và đầu tư ra ngoài Công ty.

Quỹ Dự phòng tài chính dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh của Công ty. Bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ khác được sử dụng vào việc thường ban điều hành

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009 (VND)	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	504.898.745.752	548.735.645.632
Doanh thu bán hàng	500.867.208.978	545.335.078.297
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.867.614.027	2.432.347.860
Doanh thu bán vật tư	1.163.922.747	968.219.475

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009 (VND)	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008 (VND)
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	1.264.798.117	1.576.194.953
Chiết khấu TM	-	-
Giảm giá hàng bán	9.736.106	27.259.585
Hàng bán bị trả lại	1.255.062.011	1.548.935.368

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

6.3 Doanh thu thuần

	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009 (VND)	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008 (VND)
D. thu thuần về bán hàng và cung cấp d. vụ	503.633.947.635	547.159.450.679
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	499.602.410.861	543.758.883.344
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.867.614.027	2.432.347.860
Doanh thu thuần mua bán vật tư	1.163.922.747	968.219.475

6.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009 (VND)	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008 (VND)
Giá vốn hàng hoá đã bán	35.439.794.081	29.654.014.469
Giá vốn thành phẩm đã bán	386.187.269.282	470.656.630.025
Giá vốn vật tư cung cấp	937.878.359	830.187.984
Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư đã bán	-	-
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	-
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	422.564.941.722	501.140.832.478'

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009 (VND)	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	117.327.304	144.201.492
Cổ tức, lợi nhuận được chia	148.412.224	148.412.224
Lãi bán ngoại tệ	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	214.570.816
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	345.922.102	-
Lãi bán hàng trả chậm	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	611.661.630	510.220.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

6.6 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009 (VND)	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008 (VND)
Lãi tiền vay	14.206.503.994	15.129.310.882
Lỗ bán ngoại tệ	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.497.755.857	1.938.828.414
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	16.704.259.851	17.068.139.296

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009 (VND)	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	5.026.499.110	1.093.538.172
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của kỳ này	-	-
Cộng	5.026.499.110	1.093.538.172

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009 (VND)	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	299.172.723.251	468.552.181.512
Chi phí nhân công	43.633.767.458	24.583.342.575
Chi phí khấu hao TSCĐ	25.674.729.239	20.789.040.869
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.698.687.967	13.655.675.393
Chi phí khác bằng tiền	37.237.880.016	42.043.096.480
Cộng	417.417.787.931	569.623.336.829

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009 VND	Từ 01/01/2008 đến 30/6/2008 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	35.531.415.876	6.717.448.774
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông:	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (Cổ tức của Cổ phiếu ưu đãi)</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	35.531.415.876	6.717.448.774
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.800.000	10.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.290	622

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1 Thông tin về các bên có liên quan:**Các bên liên quan:

Trong kỳ tài chính và tại ngày kết thúc kỳ tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên gọi	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH MTV Phân đạm và hoá chất Hà Bắc	Bắc Giang	Công ty con trực thuộc Tổng Công ty Hoá chất VN
Công ty Cổ phần cao su Đà Nẵng	Đà Nẵng	Công ty con trực thuộc Tổng Công ty Hoá chất VN
Công ty Supe phốt phát và Hoá chất Lâm Thao	Phú Thọ	Công ty con trực thuộc Tổng Công ty Hoá chất VN
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Lào Cai	Công ty con trực thuộc Tổng Công ty Hoá chất VN
Công ty Cổ phần CN Cao su Miền Nam	Đồng Nai	Công ty con trực thuộc Tổng Công ty Hoá chất VN
Công ty Vật tư Xuất nhập khẩu Hoá chất	Hà Nội	Công ty con trực thuộc Tổng Công ty Hoá chất VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

Trong kỳ tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Tên gọi	Nghiệp vụ	Số tiền VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần cao su Đà Nẵng	Cung cấp nguyên vật liệu (hoá chất than, tomat, cilicon, màng lưu hoá, promon,...)	426.191.636
Công ty Supe phốt phát và Hoá chất Lâm Thao	Cung cấp băng tải	1.237.216.200
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Cung cấp băng tải	1.178.100.000
Mua hàng hoá, dịch vụ		
Công ty Cổ phần cao su Đà Nẵng	Mua nguyên vật liệu (phòng lão, cumaron,...)	576.648.301
Công ty Cổ phần CN Cao su Miền Nam	Mua nguyên vật liệu (than đen cứng, cao su tổng hợp,...)	1.126.079.900
Công ty Vật tư Xuất nhập khẩu Hoá chất	Mua nguyên vật liệu (than đen cứng, vải bạt,...)	8.215.547.328
Vay		
Công ty TNHH MTV Phân đạm và hoá chất Hà Bắc	Vay dài hạn VND	30.000.000.000

Vào ngày kết thúc kỳ tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

Tên gọi	30/6/2009 VND
Các khoản phải thu	
Công ty Cổ phần cao su Đà Nẵng	360.612.340
Công ty Supe phốt phát và Hoá chất Lâm Thao	220.660.000
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	184.800.000
Các khoản phải trả	
Công ty Cổ phần cao su Đà Nẵng	339.218.000
Công ty Cổ phần CN Cao su Miền Nam	675.180.000
Công ty Vật tư Xuất nhập khẩu Hoá chất	6.977.729.968
Vay dài hạn	
Công ty TNHH MTV Phân đạm và hoá chất Hà Bắc	30.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

8.2 Thông tin so sánh

Số liệu trên Bảng Cân đối kế toán sử dụng để so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính kế toán (AFC).

Số liệu được sử dụng để so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh là số liệu trong Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2008 của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng chưa được kiểm toán.

Sáu tháng đầu năm 2008 Công ty lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp, do đó không có số liệu để so sánh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kỳ này.

Ngày 05 tháng 8 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đào Thị Hoa

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Công An